

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2018

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đồi

Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn K tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1996. Bà và ông K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 02/01/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K thường xuyên nhậu nhẹt, say rượu trở về nhà thì ông K nhiều lần kiểm chuyện gây sự, chửi mắng, xúc phạm bà và gia đình của bà. Chính vì điều này, vợ chồng

bà thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống K hạnh phúc. Bà đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K vào tháng 3 năm 2018, nhưng sau đó, bà rút đơn xin ly hôn để cho ông K cơ hội và Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2018, nhưng đến nay ông K vẫn K thay đổi. Hiện tại, bà xác định tình cảm vợ chồng K thể hàn gắn, đời sống chung K thể kéo dài. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông K có 01 con chung tên là Nguyễn Chí C, sinh ngày 08/7/1997, giới tính: N. Hiện con chung đã trưởng thành nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà xác định tự thỏa Tận, K yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Nguyễn Văn K K có nợ ai.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc bà T xin ly hôn với ông K, nhưng ông K vẫn K có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn K vắng mặt. Nguyên đơn là bà Lê Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Ông K đang cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án K tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án K tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn K tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2004, quyền số 01 đăng ký ngày 02/01/2004 do Ủy ban nhân dân xã Tây, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà T và ông K đã phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân như là lời trình bày của bà T. Bà T cũng đã cho ông K nhiều cơ hội để sửa đổi bằng việc

đã nộp đơn, nhưng sau đó đã xin rút đơn xin ly hôn với ông K tại Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa vào tháng 4 năm 2018 có kèm theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, nhưng ông K vẫn K thay đổi. Xét thấy, ông K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà T xin ly hôn với ông K tại Tòa án, nhưng ông Nguyễn Văn K K có ý kiến, K thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà T xác định K còn tình cảm gì với ông K và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà T và ông K là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng K còn, mục đích hôn nhân K đạt được. Xét thấy, việc bà T cương quyết ly hôn với ông K là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn K K có mặt và K có ý kiến trình bày. Bà Lê Thị T xác định con chung đã trưởng thành, K yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử K đề cập xem xét.

[4.3] Về chia tài sản, về nợ chung: Do ông K cố tình vắng mặt, K có ý kiến trình bày; Bà T K yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và bà T xác định giữa bà T và ông Nguyễn Văn K K có nợ ai, nên Hội đồng xét xử K xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002679 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Lê Thị T có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương